

Bản án số: 594/2022/DS-PT

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu
hủy quyết định cá biệt trái pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLPT-DS ngày 22/3/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 758/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 1, khu phố Th, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị G: Ông Từ Trọng V, sinh năm 1950; cư trú tại: Tổ 1, khu phố Th, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966 (có mặt) và ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1963 (vắng mặt); cùng cư trú tại: Ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1978, địa chỉ: Văn phòng luật sư Hoàng Như V, khu phố 1, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Từ Trọng V, sinh năm 1950, cư trú tại: tổ 01, khu phố Th, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2/. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: phường T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Minh B, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3/. Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn V, chức vụ: Chủ tịch UBND xã (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giang Văn Kh, chức vụ: Công chức địa chính xã, địa chỉ: Ấp 02, xã T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

4/. Anh Nguyễn Công Hoàng T, sinh năm: 1993, cư trú tại: Ấp 02, xã T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

5/. Anh Nguyễn Công A, sinh năm: 2001; cư trú tại: Ấp 02, xã T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Học viện Cảnh sát nhân dân, địa chỉ: Phường C, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Anh A là con của ông Q, bà H, (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị G; bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Phạm Công Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Phạm Thị G ông Từ Trọng V có 2 phần đất tổng diện tích đất 5.182m² cùng tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện Đ1 (nay là ấp 3, xã T, thành phố Đ), tỉnh Bình Phước. Ngày 10/01/1998, hộ bà G được UBND huyện Đ1 cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 792/QSĐĐ/T đối với diện tích đất nêu trên, gồm 02 thửa: Thửa số 218, tờ bản đồ số 16 diện tích 1.638m², nguồn gốc vợ chồng bà nhận chuyển nhượng, năm 2000 ông bà đã chuyển nhượng thửa đất này cho người khác; thửa số 1, tờ bản đồ số 24 diện tích 3.544m², nguồn gốc do vợ chồng bà khai phá rồi được nhà nước giao, ông bà vẫn sử dụng đến nay.

Vào khoảng tháng 7/2015, cán bộ địa chính xã T, thị xã Đ đến nhà bà G thông báo cho bà biết ngày 25/11/1999 UBND huyện Đ1 đã thu hồi toàn bộ diện tích đất 3.544m² thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 24 của bà G giao lại cho UBND xã T (nay là UBND xã T) quản lý.

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất của UBND huyện Đ1, ngày 18/11/2015 bà Phạm Thị G đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 23/6/2016, Tòa án nhân dân thị xã Đ đã tuyên hủy Quyết định thu hồi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất - giao đất số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1. Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi khởi kiện vụ án hành chính bà G phát hiện trong diện tích đất thuộc thửa số 1 nêu trên của bà G, ông V có 912m² (qua đo đạc thực tế 1.052m²) UBND thị xã Đ đã cấp cho vợ chồng bà Hoàng Thị H ông Nguyễn Công Q. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông Q trả lại đất cho bà nhưng bà H và ông Q không đồng ý.

Bà Phạm Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Công Q, bà Hoàng Thị H trả lại cho bà diện tích đất 1.052m² thuộc thửa số 1a, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước;

- Hủy Quyết định số 2361/QĐ-UB ngày 19/10/2002 của UBND thị xã Đ về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị H;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSĐĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất - giao đất.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q là ông Trần Quốc T trình bày:*

Bà Hoàng Thị H là giáo viên của Trường trung học cơ sở T (nay là T) nên khoảng năm 1992 vợ chồng bà H ông Q được nhà nước cấp cho một lô đất cạnh Trường THCS T (không có văn bản). Sau đó vợ chồng bà đã làm nhà ở (nhà gỗ) trên đất. Năm 1996, nhà nước có chủ trương mở rộng diện tích Trường THCS T, nên UBND xã T và Ban giám hiệu nhà trường đã vận động gia đình ông bà giao thửa đất đang ở cho Trường, nhà nước sẽ hoán đổi cho ông bà thửa đất khác. Vợ chồng ông Q bà H đã đồng ý trả đất cho Nhà nước xây dựng trường học. Việc giao trả của ông bà không có thủ tục, giấy tờ gì.

Sau khi giao trả đất xây dựng trường học, ngày 10/10/1996, bà H có đơn xin cấp đất (tại vị trí hiện nay bà Phạm Thị G đang tranh chấp) và đã được UBND xã T (nay là xã T) xác nhận đề nghị cấp trên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Ngày 31/01/2001, UBND xã T thành lập Hội đồng xét duyệt thống nhất đề nghị cấp 912m² đất tại vị trí bà H xin cấp cho bà H. Ngày 21/8/2002, UBND thị xã Đ thành lập đoàn đi đo đạc cắm mốc đất cho bà H. Ngày 19/10/2002, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Ngày 29/10/2002, bà H được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSĐĐ/2361/QĐ-UB với diện tích 912m² trong đó có 50m² đất thổ cư và 862m² đất trồng cây lâu năm.

Như vậy, UBND thị xã Đ đã giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị H đúng quy định nên ông Q bà H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Trọng V trình bày:* Ông Từ Trọng V thống nhất với ý kiến của ông Hồ Phương B (là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị G trong giai đoạn giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm lần 1), ông không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Đ do ông Phạm Ngọc H là người được ủy quyền trình bày:*

Thửa đất 1a, tờ bản đồ 24 UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H thuộc một phần trong diện tích thu hồi GCN số 792/QSDĐ/T của hộ bà Phạm Thị G theo Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 UBND huyện Đ1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất của hộ bà G. Ngày 10/10/1996, bà Hoàng Thị H có đơn xin cấp đất ở gửi UBND xã T và được UBND xã T xác nhận. Ngày 31/01/2001, Hội đồng xét duyệt đất đai UBND xã T lập biên bản xét duyệt nguồn gốc đất đối với các đối tượng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có tên hộ bà Hoàng Thị H, diện tích đăng ký 912m² gồm 50m² thổ cư và 862m² đất nông nghiệp. Ngày 07/9/2001, Phòng Nông nghiệp – Địa chính thị xã Đ lập biên bản đo đạc khảo sát hiện trạng đất phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 01/8/2002, bà Hoàng Thị H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được phòng Nông nghiệp - Địa chính xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/9/2002, phòng Nông nghiệp - Địa chính thị xã Đ có Tờ trình số 1489/TT NN-ĐC về việc ban hành quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H. Ngày 29/10/2002, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2217/QSDĐ/2361/QĐUB cho hộ bà H, khu đất tại ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, thửa đất số 1a, tờ bản đồ 24 tổng diện tích 912m² gồm 50m² đất thổ cư và 862m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 29/10/2002, hộ bà H được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB, thửa đất số 1a, tờ bản đồ số 24, xã T, thị xã Đ. Qua xem xét trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Hà, đại diện UBND thành phố Đ cho rằng việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cho hộ bà H là đúng trình tự, thủ tục.

Đối với Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 UBND huyện Đ1 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị G: Tại “Báo cáo kết quả thanh tra ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản và các nguồn vốn huy động của nhân dân tại các xã, thị trấn trong huyện” ngày 17/11/1998, Đoàn thanh tra UBND huyện Đ1 đã xác định bà G sử dụng thửa đất số 1, tờ bản đồ số 24 không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng thực tế nên việc giao đất cho hộ bà G là không đúng pháp luật, đề nghị UBND huyện Đ1 thu hồi giao cho địa phương quản lý. Cụ thể, Đoàn thanh tra đã xác định “Về hiện trạng không đúng với tờ trình, sai với nội dung đơn xin cấp đất vì hộ này chỉ xin cấp đất để làm nhà “mở đại lý phân bón thuốc trừ sâu” nhưng UBND xã lại lập tờ trình cấp đất sản

xuất nông nghiệp. Do đó, hiện nay thửa đất này chưa san ủi, còn trũng sâu, chưa được đưa vào sản xuất nông nghiệp. Hộ bà G đã tự dựng 1 căn nhà khung sắt mái tôn chưa thưng tường vách hiện căn nhà này chưa đưa vào sử dụng và toàn bộ diện tích nằm trên hành lang bảo vệ đường bộ (ĐT741)..... Việc UBND xã lập tờ trình đề nghị UBND huyện cấp diện tích 3.544m² đất thửa số 1, tờ bản đồ số 24 nội dung sản xuất nông nghiệp làm vườn tạp là không đúng với nội dung của đơn xin cấp đất như đã phân tích... cho nên chỉ xem xét cấp đất thổ cư nếu bà G có nhu cầu thực sự, số còn lại giao địa phương quản lý”. Căn cứ vào Kết luận thanh tra, Báo cáo kết luận thanh tra nêu trên, ngày 25/11/1999 UBND huyện Đ1 đã ban hành Quyết định số 767/QĐ-UB thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất của hộ bà G. Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất đã giao cho hộ bà G, UBND xã T đã mời bà G lên UBND xã nhận Quyết định trên nhưng bà G không hợp tác nên UBND xã đã niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban. Ngày 25/10/2002, UBND xã T đã lập biên bản tổng đạt Quyết định số 767/QĐ-UB cho ông V, việc tổng đạt này là hợp lệ. Do đó, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ bà G là đúng. Vì vậy, bà G yêu cầu bà H ông Q trả lại 912 m² theo GCNQSD đất 2217/QSDĐ/2361/QĐUB do UBND thị xã cấp ngày 29/10/2002 cho hộ bà Hoàng Thị H, hủy Quyết định số 2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2217/QSDĐ/2361/QĐUB cho hộ bà Hoàng Thị H và hủy Quyết định số 767/QĐ-UB thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất của hộ bà G là không có cơ sở.

Đối với Bản án số 02/2016/HC-ST ngày 23/6/2016 của TAND thị xã Đ có hiệu lực pháp luật nhưng đã bị hủy và đình chỉ tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/HC-GĐT ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do tranh chấp, yêu cầu khởi kiện đang được Tòa án thụ lý giải quyết nên UBND thành phố Đ chờ kết quả giải quyết để có hướng xử lý.

UBND xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước trình bày:

UBND xã T đã tổng đạt Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1 cho bà Phạm Thị G qua ông Từ Trọng V (chồng bà G), biên bản ngày 25/10/2002 có chữ ký của ông V. Bà G cho rằng mình không biết có Quyết định này là không có cơ sở vì thời điểm ông V nhận Quyết định thì ông V, bà G là vợ chồng sống chung với nhau. Đến nay, thời hiệu để bà G khởi kiện Quyết định số 767/QĐ-UB của UBND huyện Đ1 đã hết. Việc UBND huyện Đ1 thu hồi đất của hộ bà G, sau đó giao đất cho hộ bà H, UBND xã T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Anh Nguyễn Công Hoàng T và anh Nguyễn Công A trình bày:

Anh T và anh A là con ruột của ông Q, bà H. Anh T và anh A thống nhất, đồng ý với ý kiến của ông Q, bà H. Lời trình bày, mọi ý kiến của ông Q, bà H cũng chính là ý kiến của anh A, anh T. Anh T và anh A đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt các anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 23/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định: Hủy Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1 (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Đ), tỉnh Bình Phước.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật.

Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trả lại cho bà Phạm Thị G và ông Từ Trọng V diện tích đất 1052m² {50m² đất thổ cư và 1002m² nông nghiệp (trong đó có 210,2 m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ)}, thửa đất 1a, tờ bản đồ 24, tọa lạc tại ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận: Phía bắc dài 87,53m, giáp đất bà D; Phía tây rộng 12 m, giáp đường ĐT 741; Phía nam 84,52m, giáp đất của bà Phạm Thị G; Phía đông rộng 13m, giáp đất của bà Phạm Thị G (theo Bản đồ hiện trạng ngày 02/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật địa chính, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước).

Trên đất có 01 bụi chuối, 02 cây tràm 04 năm tuổi; 10 cây tràm 03 năm tuổi; 78 cây tràm 01 năm tuổi.

Bà Phạm Thị G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trị giá tài sản trên đất là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

2/. Hủy Quyết định số 2361/QĐ-UB về việc Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 19/10/2002 của UBND thị xã Đ cho hộ bà Hoàng Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V226304 số vào sổ 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H; hủy Quyết định số 4863/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ngày 14/12/2017 của UBND thị xã Đ.

Bà Phạm Thị G được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3/. Kiến nghị UBND thị xã Đ và Công an thị xã Đ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật đối với những cá nhân, tổ chức có liên quan đến hành vi vi phạm, ký xác nhận và đóng dấu mộc lều thời gian lại để hợp thức hóa hồ sơ xin cấp đất cho hộ bà Hoàng Thị H.

Kiến nghị UBND thị xã Đ xem xét cấp lại đất cho hộ bà Hoàng Thị H theo quy định của pháp luật đất đai.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/HC-GĐT ngày 09/01/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 23/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 671/2020/DS-PT ngày 14/12/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của ông Nguyễn Công Q, bà Hoàng Thị H. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Ngày 22/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 147, 157, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 263, 264 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 2, 3, 19, 21, 26, 36, 73 Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 2001; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G về tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q.

Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trả lại cho bà Phạm Thị G và ông Từ Trọng V diện tích đất 1052m² (gồm 50m² đất thổ cư và 1002m² nông nghiệp, trong đó có 210,2m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ), thuộc thửa đất số 1a, tờ bản đồ 24, tại ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất: phía bắc dài 87,53m giáp đất bà D; phía tây rộng 12m giáp đường ĐT 741; phía nam 84,52m giáp đất của bà Phạm Thị G; phía đông rộng 13m giáp đất của bà Phạm Thị G (theo Bản đồ hiện trạng ngày 02/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật địa chính, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước).

2/. Bà Phạm Thị G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trị giá tài sản trên đất là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3/. Hủy các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Phạm Thị G với bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q, gồm:

Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất đối với bà Phạm Thị G.

Quyết định số 2361/QĐ-UB ngày 19/10/2002 của UBND thị xã Đ, về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị H;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V226304 số vào sổ 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H;

Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND thị xã Đ, về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ bà Hoàng Thị H.

4. Bà Phạm Thị G có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định tại Bản án này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 27/01/2022 bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Phạm Công Q có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận diện tích đất 1.052m² thửa đất 1a, tờ bản đồ số 24, toạ lạc tại ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước là của gia đình bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà H, buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ các khoản án phí và chi phí tố tụng.

Ngày 16/02/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị G có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Toà án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét chỉ đạo làm rõ trách nhiệm của tổ chức các nhân có liên quan đến hành vi gian dối, lập khống các giấy tờ, hợp thức hoá hồ sơ xin cấp đất và phê duyệt cấp đất trái pháp luật cho hộ bà Hoàng Thị H; kiến nghị làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân ban hành kết luận thanh tra, ban hành quyết định thu hồi đất trái pháp luật của bà Phạm Thị G để xử lý nghiêm về Đảng và mặt chính quyền, theo các quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Từ Trọng V - đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định tại phiên tòa ngày 18/7/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị G đã gửi đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, vì vậy ông đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Hoàng Thị H, Phạm Công Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

Đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của ông Phạm Ngọc H - đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày về nguồn gốc đất của bà H, ông Q là không chính xác mà thực tế nguồn gốc đất tranh chấp do ông V, bà G khai phá và xin cấp đất nông nghiệp năm 1996. Việc UBND huyện Đ1 trước đây thanh tra đất đai và thu hồi đất của ông V là không đúng pháp luật vì trong hồ sơ thể hiện đơn xin cấp đất của ông V là xin cấp đất nông nghiệp và UBND huyện Đ1 cấp đất nông nghiệp cho ông V là đúng. Về nguồn gốc đất mà bà H cho rằng hiến đất cho trường học thì thực tế là do hộ bà H lấn chiếm hoặc được cho mượn đất vì đất này hoàn toàn không có quyết định cấp đất, giao đất. Việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H xác định nguồn gốc đất do nhà nước cấp năm 1996 là không đúng. Việc UBND huyện Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là có sai sót, có sự hợp thức hoá hồ sơ về việc cấp đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố Đ thể hiện nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông V, bà G khai phá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng mục đích. Việc đoàn thanh tra đất đai của UBND huyện Đ1 trước đây cho rằng gia đình ông V, bà G sử dụng đất sai mục đích nên đề xuất UBND huyện Đ1 ban hành Quyết định 767 thu hồi giấy chứng nhận và thu hồi đất của bà G, ông V là không đúng, vi phạm pháp luật đất đai. Về trình tự cấp đất cho hộ bà H, ông Q là không đúng pháp luật có sự việc ghi lùi ngày lại để hợp thức hoá hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, ông Q và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà G đã có đơn rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định, nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí, bị đơn đã đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa ngày 18/7/2022 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn đã xin rút yêu cầu kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách các đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị H, Phạm Công Q:

[4.1] Các bên đương sự đều xác định diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 1.052m² (theo Bản đồ hiện trạng ngày 02/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật địa chính, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước). Diện tích đất tranh chấp này nằm trong diện tích đất 3.544m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 24 được UBND huyện Đ1 (nay là thành phố Đ) cấp cho hộ bà Phạm Thị G tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 79/QSDĐ/T ngày 10/01/1998. Ngày

25/11/1999, UBND huyện Đ1 (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 767/QĐ-UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi diện tích đất 3.544m² nêu trên của bà G. Đến ngày 19/10/2002, UBND thị xã Đ giao 912m² (đo thực tế 1.052m²) trong tổng diện tích 3.544m² nêu trên cho bà Hoàng Thị H theo Quyết định số 2361/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/10/2002, bà H được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSĐĐ/2361/QĐ-UB.

[4.2] Nguồn gốc, quá trình sử dụng, kê khai đăng ký diện tích đất 3.544m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 24: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà thể hiện diện tích đất 3544m² kể trên, trước đây là đất do kinh tế mới khai phá, sau này khai thác lấy đất đá đổ đường ĐT 741 tạo thành hầm hố sâu từ 6 – 8m so với mặt đất tự nhiên, do tình trạng đất hầm hố không sản xuất nông nghiệp và đưa vào xây dựng cơ bản được, bỏ hoang nhiều năm. Năm 1990, được sự chấp thuận của UBND xã T, hộ gia đình bà G đã san lấp, cải tạo diện tích đất này để sử dụng vào mục đích trồng cây, lập vườn tạp. Theo đơn đề nghị của hộ bà G thì bà xin cải tạo đất để trồng cây nông nghiệp và lập vườn tạp, như vậy hộ bà G sử dụng đất đúng mục đích, không có tài liệu nào thể hiện hộ bà G xin cấp đất để làm nhà “mở đại lý phân bón thuốc trừ sâu” như báo cáo thanh tra ngày 17/11/1998 của UBND huyện Đ1 nêu. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ bà G như nêu trên, ngày 10/01/1998, UBND huyện Đ1 cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 792/QSĐĐ/T; thửa số 1, tờ bản đồ số 24 diện tích 3.544m², mục đích sử dụng: vườn tạp, là đúng quy định của luật đất đai năm 1993.

[4.3] Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1, tỉnh Bình Phước, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất - giao đất đã cấp cho bà Phạm Thị G với lý do thu hồi: Sử dụng đất không đúng mục đích được cấp GCN.QSĐĐ. Xét lý do thu hồi này là không có căn cứ, bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố Đ trả lời, trong quá trình chia tách đơn vị hành chính nên hồ sơ thanh tra về việc cấp giấy chứng nhận và quá trình sử dụng đất của hộ bà G đã bị thất lạc, chỉ còn Kết luận thanh tra ngày 12/9/1998 và Báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/11/1998, đại diện UBND xã T thừa nhận khi thực hiện thủ tục thu hồi đất cơ quan chức năng không lập biên bản vi phạm về việc sử dụng đất đối với bà G. Như vậy, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện hộ bà G sử dụng đất sai mục đích. Trong khi đó như đoạn [4.2] đã nêu toàn bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà G là xin cấp đất nông nghiệp.

[4.4] Xét nguồn gốc đất, trình tự thủ tục và căn cứ giao đất, cấp diện tích đất 912m² theo quyết định số 2361/QĐ-UB ngày 19/10/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSĐĐ/2361/QĐUB ngày 29/10/2002 UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H:

Gia đình bà Hoàng Thị H có nhà, đất cạnh Trường Tiểu học cơ sở T (nay là Trường Trung học cơ sở T). Do Nhà nước mở rộng diện tích của Trường nên gia đình bà H, ông Q đã tự nguyện giao lại đất của mình để mở rộng Trường. Sau đó ngày 10/10/1996, bà H có làm Đơn xin cấp đất để ở. Ngày 10/10/1996, Chủ tịch

UBND xã T, huyện Đ1 đã xác nhận và đề nghị “cấp cho bà Hoàng Thị H 12m (mười hai mét) ở hững cầu đường. Đề nghị cấp trên làm thủ tục quyền sử dụng đất”. Ngày 19/10/2002, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị H; ngày 29/10/2002 UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V226304, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 02117/QSDĐ/2361/QĐUB cho hộ bà Hoàng Thị H với diện tích đất 912m² (trong đó có 50m² thổ cư và 852m² đất nông nghiệp). Tại đơn xin cấp đất ngày 10/10/1996 của bà H có xác nhận của Chủ tịch UBND xã T là ông Đoàn Quang H ghi ngày 10/10/1996 và hình con dấu của UBND xã T, huyện Đ1, tỉnh Bình Phước. Theo Nghị quyết ngày 06/11/1996 của Quốc hội về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh (trong đó có tỉnh Bình Phước), thì tỉnh Bình Phước được chính thức thành lập ngày 01/01/1997. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà H và ông H Chủ tịch UBND xã đã sửa chữa đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H từ 10/10/1997 thành 10/10/1996 để hợp thức hóa hồ sơ cấp đất cho bà H. Việc làm của bà H và ông H là không đúng, vi phạm pháp luật đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001. Như vậy, việc UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UB về việc giao đất ngày 19/10/2002 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117/QSDĐ/2361/QĐUB ngày 29/10/2002 cho hộ bà Hoàng Thị H là không đúng pháp luật.

[5] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng sự thật khách quan, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270; Điều 293 và khoản 1 Điều 308; Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 263, 264 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 2, 3, 19, 21, 26, 36, 73 Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 2001;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị G.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Phạm Công Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G về tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q.

Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trả lại cho bà Phạm Thị G và ông Từ Trọng V diện tích đất 1052m² (gồm 50m² đất thổ cư và 1002m² nông nghiệp, trong đó có 210,2 m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ), thuộc thửa đất số 1a, tờ bản đồ 24, tại ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất: phía bắc dài 87,53m giáp đất bà D; phía tây rộng 12m giáp đường ĐT 741; phía nam 84,52m giáp đất của bà Phạm Thị G; phía đông rộng 13m giáp đất của bà Phạm Thị G (theo Bản đồ hiện trạng ngày 02/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật địa chính, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước).

2/. Bà Phạm Thị G có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q trị giá tài sản trên đất là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3/. Hủy các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Phạm Thị G với bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q, gồm:

Quyết định số 767/QĐ-UB ngày 25/11/1999 của UBND huyện Đ1, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất – giao đất đối với bà Phạm Thị G.

Quyết định số 2361/QĐ-UB ngày 19/10/2002 của UBND thị xã Đ, về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hoàng Thị H;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V226304 số vào sổ 02117/QSDĐ/2361/QĐ-UB ngày 29/10/2002 của UBND thị xã Đ cấp cho hộ bà Hoàng Thị H;

Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND thị xã Đ, về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ bà Hoàng Thị H.

4/. Bà Phạm Thị G có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định tại Bản án này.

5/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị G không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị G 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền số 015089 ngày 08/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6/. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc:

Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Công Q hoàn trả cho bà Phạm Thị G chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc là 14.735.189 (mười bốn triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi chín) đồng.

7/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị H, ông Phạm Công Q phải chịu mỗi người 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000 đồng vào phần án phí phải chịu, theo các biên lai thu tiền số 0019774; 0019775 cùng ngày 11/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn Phạm Thị G được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

8/. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9/. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- DS (8);
- Lưu (6), HS (2). 18b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh